

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/KDTM-ST

Ngày 22/3/2024

V/v " *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa. Bà Nguyễn Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân. Ông Nguyễn Xuân Lập và bà Trần Thị Kim Nhung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa. Ông Phạm Anh Tuấn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa. Ông Trần Anh Linh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/3 và ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 14/2023/TLST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2023/QĐXXST- KDTM, ngày 04 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP B.**

Địa chỉ trụ sở: quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật. Ông Phạm D

Người được ủy quyền tham gia tố tụng.

1. Ông Vũ Văn Th, sinh năm 1990, có mặt.

2. Ông Phạm Tiên Đ, sinh năm 1991.

3. Ông Bùi Huy Đ, sinh năm 1996.

(Giấy ủy quyền số 936/2022/UQ ngày 28/12/2022 và Giấy uỷ quyền số 462/2023/UQ-CNQuangNinh ngày 27/6/2023 của Giám đốc Ngân hàng TMCP B CN Quảng Ninh)



** Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại công nghiệp V.* Địa chỉ trụ sở: Số nhà 172, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5701.581.111 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 18/01/2012.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Quang V - Chức vụ: Giám đốc, có mặt tại phiên toà, vắng mặt buổi tuyên án.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Đức C**, sinh năm 1941. Nơi thường trú: Tổ 9, Tân Lập 7, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên toà, vắng mặt tại buổi tuyên án (Ủy quyền cho con trai là anh Nguyễn Quốc C, Giấy uỷ quyền ngày 25/8/2023 của ông Nguyễn Đức C)

2. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1946. Nơi thường trú: Tổ 9, Tân Lập 7, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt, uỷ quyền cho ông Nguyễn Đức C (Giấy uỷ quyền ngày 25/8/2023 của bà Nguyễn Thị M cho ông Nguyễn Đức C)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, Đơn sửa đổi bổ sung Đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B (viết tắt là B) do người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 17/12/2012, Công ty Cổ phần Thương mại Công nghiệp V (sau đây gọi là Công ty V) ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 31012/HĐHMTD/292 với Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Quảng Ninh (sau đây gọi là Ngân hàng), với các nội dung như sau:

- Số tiền vay: 3.390.000.000 đồng
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh thiết bị, phụ tùng ngành mỏ
- Thời gian vay: 12 tháng
- Dư nợ hiện tại: 1.290.000.000 đồng

Tài sản bảo đảm: Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty V đã thế chấp các tài sản sau đây:

+ **Tài sản bảo đảm 1:** 01 bất động sản diện tích 60m² tại tổ 41, phường Cẩm Thủy, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận QSD đất số Đ 464044, vào sổ cấp GCN QSD Đ số: 1113/QSD Đ, do UBND thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cấp cho bà Nguyễn Thị M ngày 20/7/2004. Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất (Hợp đồng bảo lãnh) số 31012/HĐTC/292.1 ngày 15/12/2012; số công chứng 352, quyền số 13/TP/CC-SCC/HĐTD ngày 17/12/2012, ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Đức C - bà Nguyễn Thị M.

+ **Tài sản bảo đảm 2:** 01 bất động sản diện tích 295,6m² của Bên thế chấp, tại Thửa đất số 74 tờ bản đồ số 20; địa chỉ thửa đất: Tổ 26a, phường Cẩm Thủy, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận QSD đất số BH 754361; số vào sổ: CH000030, do Ủy ban nhân dân thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng



Ninh cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Sương ngày 20/01/2012. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Hợp đồng bảo lãnh) số 31012/HĐTC/292.2 ngày 15/12/2012.

- Quá trình thu hồi nợ: Do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của Công ty V đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ tháng 01/2013.

Quá trình trả nợ:

* Khế ước số 31012/292/KU-001:

+ Kỳ trả nợ ngày 20/01/2013 đến ngày 17/6/2013: Khách hàng không trả nợ

+ Ngày 10/8/2022: Khách hàng trả một phần nợ gốc

Kể từ khi khoản vay chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với Công ty V để đôn đốc, tạo điều kiện cho Công ty V trả nợ. Tổng số tiền còn phải trả đến ngày 28/12/2022 là 9.842.510.570 đồng nhưng Công ty V không thanh toán được khoản tiền này.

Ngày 10/8/2022, bà Nguyễn Thị Sương đã nộp cho Ngân hàng số tiền 2.100.000.000 đồng (thông qua số tài khoản người chuyển tiền là bà Đặng Thị Kim Dung; địa chỉ: Tổ 1, khu 4B, phường Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh) để trừ vào tiền vay gốc của Công ty V, được Ngân hàng chấp nhận và Ngân hàng đã yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hạ Long xoá thế chấp đối với **Tài sản thế chấp 2**. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Cẩm Phả đã làm thủ tục xoá thế chấp đối với Tài sản thế chấp 2 đứng tên bà Nguyễn Thị Sương.

Tính đến ngày 18/3/2024 (ngày xét xử sơ thẩm), dư nợ của Công ty V là: 9.836.990.064 đồng.

Trong đó: Nợ gốc: 1.290.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 273.153.814 đồng

Nợ lãi quá hạn: 8.273.836.250 đồng.

Yêu cầu khởi kiện:

1) Buộc Công ty V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 31012/HĐHMTD/292 ngày 17/12/2012 với tổng số tiền tính đến ngày 14/3/2024 như đã nêu trên.

2) Trong thời gian chưa thanh toán nợ, Công ty Cổ phần Thương mại V phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật.

3) Ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty V không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý **Tài sản thế chấp 1** theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

4) Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nhưng không thanh toán đủ khoản vay, Công ty V có trách nhiệm trả nợ tiếp cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.



Đối với *Tài sản thế chấp 2* Ngân hàng không yêu cầu xử lý vì đã được xoá thế chấp.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty V trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà trình bày. Xác nhận khoản vay gốc tại Ngân hàng B như nội dung trình bày của đại diện Ngân hàng là đúng; xác nhận về số nợ gốc và nợ lãi trong hạn, quá hạn phải trả theo yêu cầu của Ngân hàng là đúng; xác nhận về nội dung thế chấp tài sản như Ngân hàng đã trình bày. Lý do Công ty V không thanh toán được các khoản nợ gốc, nợ lãi như thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng là do việc kinh doanh của ông ty V gặp khó khăn, nên không có khả năng thanh toán nợ.

[3] Quan điểm của của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức C tại Bản tự khai, phiên hoà giải và tại phiên toà:

Ông khẳng định ông và vợ là bà Nguyễn Thị M đồng ý dùng tài sản là bất động sản diện tích 60m² tại tổ 41, phường Cẩm Thuỷ, thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận QSD đất số Đ 464044, vào sổ cấp GCN: 1113/QSDĐ, do UBND thị xã Cẩm Phả (Nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh cấp cho bà Nguyễn Thị M ngày 20/7/2004; trên đất có xây dựng ngôi nhà 02 tầng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty V tại Ngân hàng Liên Việt, đây là tài sản chung của vợ chồng ông bà. Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 352, quyền số 13/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2012. Vào thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp, do thiếu hiểu biết và không đọc kỹ Hợp đồng thế chấp và khi ký kết Ngân hàng không hỏi về nguồn gốc của tài sản nên vợ chồng ông bà đã ký. Thực tế tài sản này không phải hoàn toàn của ông bà mà có cả phần công sức đóng góp của vợ chồng con trai ông (anh Nguyễn Mạnh Cường và chị Vũ Thị Thuý Mai) đã góp một phần tiền khi xây dựng ngôi nhà. Tại các Bản án số 11/1015/HNGĐ-PT ngày 20/5/2015 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; bản án số 16/2016-DSST ngày 25/3/2016 của Toà án nhân dân thị xã Cẩm Phả; bản án số 22/2016/HNGĐ - PT ngày 12/8/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tuyên đều công nhận ngôi nhà số 9, tổ 9, khu Tân Lập 7, phường Cẩm Thuỷ có công sức đóng góp của anh Cường và chị Mai. Theo đó, vợ chồng ông được quyền sở hữu nhà đất và có nghĩa vụ thanh toán cho anh Cường, chị Mai mỗi người 600.000.000 đồng (tương đương với ½ trị giá nhà đất). Quan điểm của ông bà là: Trường hợp Công ty V không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông bà chấp nhận xử lý ½ giá trị tài sản thế chấp (là phần của ông bà trong tài sản chung) và Hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông bà và Ngân hàng là vô hiệu.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, thể hiện: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Bên thế chấp theo Giấy chứng nhận QSD đất số Đ 464044, số vào sổ: 1113/QSDĐ, do UBND thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận QSD đất cấp cho bà Nguyễn Thị M ngày 20/7/2004; địa chỉ thửa đất: Tổ 41, phường Cẩm Thuỷ, thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh; diện tích 60,0m²; mục đích sử dụng: đất ở.. Tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà 02 tầng, tổng diện tích sàn 120m², xây năm 2001. Ông C, bà M và đại diện Ngân hàng đều khẳng định hiện trạng nhà đất tại thời điểm thẩm định



vẫn giữ nguyên như thời điểm thế chấp.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long: Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật; đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và Bị đơn đã cơ bản thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 317, 318, 320, 321, 322, 323, 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên Toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP B yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay hạn mức. Do cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, công ty V có trụ sở tại thành phố Hạ Long. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được giao nộp, thu thập theo đúng trình tự, quy định của pháp luật, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ này, do đó các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

1.1. Về yêu cầu trả nợ gốc, lãi:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 31012/HĐHMTD/292 ngày 17/12/2012 được ký kết bởi người có thẩm quyền của Ngân hàng Liên Việt với công ty V trên cơ sở tự nguyện; nội dung và hình thức của hợp đồng đảm bảo quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm ký kết. Căn cứ vào hợp đồng, Ngân hàng Liên Việt đã giải ngân cho công ty V vay số tiền gốc là 3.390.000.000 đồng như nội dung Ngân hàng Liên Việt và Công ty V trình bày ở phần trên. Quá trình thực hiện hợp đồng cho vay hạn mức, Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, toàn bộ nợ vay còn thiếu tại các hợp đồng nêu trên đã bị chuyển nợ quá theo quy định của Ngân hàng từ tháng 01/2013.

Căn cứ vào bảng tính lãi do Ngân hàng cung cấp, tính đến ngày 14/3/2024, Công ty V còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 9.836.990.064 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 1.290.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 273.153.814 đồng; nợ lãi quá hạn: 8.273.836.250 đồng. Đại diện Công ty V cũng xác nhận số tiền nợ gốc, nợ lãi Ngân hàng đã tính là chính xác, dựa trên các thoả thuận trong Hợp



đồng cho hạn mức. Xét thấy, việc tính nợ gốc, nợ lãi trong hạn và quá hạn của Ngân hàng đã đảm bảo chính xác, nên tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu Công ty V phải trả là có căn cứ, nên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Liên Việt về việc buộc công ty V phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 9.836.990.064 đồng.

2.2 Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

- Đối với **Tài sản thế chấp 2**. Đã xoá thế chấp, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- **Đối với Tài sản thế chấp 1**. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 31012/HĐTC/292.1, ngày 15/12/2012 được ký kết bởi người có thẩm quyền của Ngân hàng với Công ty V trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Bên thế chấp theo Giấy chứng nhận QSD đất số Đ 464044, số vào sổ: 1113/QSDD, do UBND thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận QSD đất cấp cho bà Nguyễn Thị M ngày 20/7/2004; địa chỉ thửa đất: Tổ 41, phường Cẩm Thủy, thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh; diện tích 60,0m²; mục đích sử dụng: đất ở. Tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà 02 tầng, tổng diện tích sàn 120m², xây năm 2001. Do Công ty V không trả được nợ cho Ngân hàng nên căn cứ quy định tại Điều 6 (Xử lý tài sản thế chấp) của Hợp đồng thế chấp nêu trên, Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản của bên thế chấp (ông C và bà M).

Ông Nguyễn Đức C cho rằng tài sản thế chấp không phải hoàn toàn là của vợ chồng ông mà vợ chồng ông chỉ có ½ giá trị tài sản thế chấp, nên chỉ đồng ý xử lý đối với ½ tài sản thế chấp. Xét thấy: Khi ông C, bà M ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay của Công ty V với Ngân hàng Liên Việt, Giấy chứng nhận QSD đất đứng tên bà M, không có tài liệu nào thể hiện quyền về tài sản này đối với anh Nguyễn Mạnh Cường (con trai ông C) và vợ là chị Vũ Thị Thuý Mai. Sau khi ông C, bà M ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản sản với Ngân hàng thì vào năm 2015 phát sinh việc chị Vũ Thị Thuý Mai có Đơn xin ly hôn, tranh chấp về con chung, yêu cầu chia tài sản chung trong khối tài sản của ông C và bà M. Trong quá trình giải quyết vụ án này, Toà án cũng đưa ông C và bà M tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Ông C, bà M có yêu cầu tuyên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 31012/HĐTC/292.1, ngày 15/12/2012 được ký kết giữa Ngân hàng và ông C, bà M bị vô hiệu. Công ty V. Tại bản án số 22/2016/HNGĐ-PT ngày 12/8/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã giải quyết :

“...Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức C, bà Nguyễn Thị M, chị Vũ Thị Thuý Mai và anh Nguyễn Mạnh Cường về việc tuyên bố vô hiệu Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 31012/HĐTC/292.1, ngày 15/12/2012 được ký kết giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Đức C - bà Nguyễn Thị M với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Quảng Ninh.

Giao cho ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị M được quyền sở hữu ngôi nhà 02 tầng gắn liền với quyền sử dụng 60m² đất tại tổ 9, khu Tân Lập 7, phường



Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Buộc ông Nguyễn Đức C và bà Nguyễn Thị M phải thanh toán cho chị Vũ Thị Thuý Mai và anh Nguyễn Mạnh Cường mỗi người 600.000.000 đồng tiền công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình...”

Bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Mặc dù ông C cho rằng ông đang khiếu nại Toà Cấp cao tiếp tục yêu cầu giải quyết Hợp đồng thế chấp vô hiệu; nhưng đến nay chưa có Bản án nào của cấp có thẩm quyền tuyên huỷ Bản án số 22/2016/HNGĐ-PT ngày 12/8/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, ông C và bà M phải có nghĩa vụ chấp hành bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 31012/HĐTC/292.1, ngày 15/12/2012 không bị vô hiệu nên ông C, bà M phải thực hiện nghĩa vụ đối với người thế chấp; vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp nêu trên để thu nợ là có căn cứ, được chấp nhận. Đối với số tiền ông C, bà M phải thanh toán cho anh Cường, chị Mai theo bản án phúc thẩm đã tuyên, ông C và bà M cần chấp hành mà không ảnh hưởng đến việc định đoạt đối với tài sản thế chấp.

2.3 Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty V tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy: Yêu cầu của Ngân hàng đã được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 307 Bộ luật dân sự, do đó có căn cứ để chấp nhận.

2.4 Đối với yêu cầu Trong thời gian chưa thanh toán nợ, Công ty Cổ phần thương mại V phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật. Xét thấy: Căn cứ quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao, yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp nên được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn là Công ty V phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Số tiền án phí được tính là:

Tổng số tiền Công ty V phải trả: 9.836.990.064 đồng.

Số tiền án phí phải chịu: $112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% \times (9.836.990.064 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng}) = 112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 5.836.990.064 \text{ đồng}) = 117.836.990.064 \text{ đồng}.$

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP B tự nguyện chịu toàn bộ (đã nộp đủ).

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên:



QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 292, 293, 294, 295, 296, 298, 299, 307, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

1.1 Buộc Công ty Cổ phần thương mại Công nghiệp V phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền là 9.836.990.064 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 1.290.000.000 đồng. Nợ lãi trong hạn: 273.153.814 đồng. Nợ lãi quá hạn: 8.273.836.250 đồng.

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/3/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn bên thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số 31012/HĐHMTD/292, ngày 17/12/2012, được ký kết giữa với Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Quảng Ninh và Công ty Cổ phần Thương mại Công nghiệp V.

1.3 Trường hợp công ty Cổ phần Thương mại Công nghiệp V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận QSD đất số Đ 464044, số vào sổ: 1113/QSDD, do UBND thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh cấp cho bà Nguyễn Thị M ngày 20/7/2004; địa chỉ thửa đất: Tổ 41, phường Cẩm Thủy, thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh; diện tích 60,0m²; mục đích sử dụng: đất ở. Tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà 02 tầng, tổng diện tích sàn 120m², xây năm 2001, theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Hợp đồng bảo lãnh số 31012/HĐTC/292.1, ngày 15/12/2012, được ký kết giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Đức C - bà Nguyễn Thị M và Bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Quảng Ninh để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

1.4 Trường hợp sau khi đã xử lý toàn bộ tài sản thế chấp mà số tiền không



đủ trả nợ thì công ty Cổ phần thương mại Công nghiệp V phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần Thương mại Công nghiệp V phải chịu 117.836.990đ (Một trăm mười bảy triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm chín mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.900.000đ (Năm mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001598 ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ngân hàng TMCP B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (Đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục thi hành án DS TP Hạ Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Thanh



Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng







Về tài sản thế chấp: tại điều 2 nội dung hợp đồng thế chấp thể hiện: tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất 426,6m² tại thôn tổ 63, khu 6, thành phố Hạ Long có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD660096, số vào sổ cấp GCN: 20368 mang tên bà Đào Thị Cúc cấp ngày 14/11/2005. Tài sản thế chấp theo hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các vật phụ, hoa lợi, lợi tức, các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp...; bất kỳ sự thay đổi (bao gồm cả việc xây dựng mới/tạo lập thêm tài sản khác gắn liền trên thửa đất), sửa chữa, nâng cấp nào của bà Cúc đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của Tài sản



thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp. Căn cứ vào sự thỏa thuận trên, có căn cứ xác định tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất nêu trên và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thể hiện tại kết quả xem xét thẩm định tại chỗ nêu trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Hạ Long;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự Móng Cối;
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng



CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Nguyễn Văn Giang

Đoàn Minh Chiến



Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự Móng Cái;
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÁN

Đoàn Minh Chiến



CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Nguyễn Văn Giang

Đoàn Minh Chiến

